

## SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ NÔ LỆ DA ĐEN Ở MỸ (TỪ KHỞI NGUYÊN ĐẾN CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP)

Nguyễn Ngọc Dung

ĐHQG-HCM

**TÓM TẮT:** Chế độ nô lệ da đen ở Mỹ được hình thành do nhu cầu xây dựng và khai thác thuộc địa của thực dân Anh. Trong giai đoạn đầu, từ khởi nguyên đến Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa, sự hình thành chế độ nô lệ ở đây gắn liền với sự thay thế dần dần chế độ “Ở đợ hợp đồng” được thiết lập bởi thực dân đối với những lao động nghèo khổ từ châu Âu di cư sang.

Từ khoảng giữa thế kỷ XVII, các thuộc địa Anh bắt đầu hợp pháp hoá chế độ nô lệ bằng những “đạo luật nô lệ”, để cho ra đời chế độ “nô lệ chủng tộc”. Nô lệ da đen chính thức bị coi như một thứ tài sản hay hàng hoá để sở hữu và trao đổi. Thân phận của họ không khác gì thân phận nô lệ thời cổ đại.

Sự gia tăng số lượng nô lệ đã tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế- xã hội của thuộc địa, làm nảy sinh những xung đột xã hội. Vào những thập niên đầu thế kỷ XVIII, nhiều thuộc địa đã ban hành đạo luật ngăn cấm buôn bán nô lệ. Việc bãi bỏ chế độ nô lệ chỉ thực sự được tiến hành trong thời gian nổ ra chiến tranh giành độc lập, nhưng không đi đến kết quả triệt để.

**Từ khóa:** chế độ nô lệ da đen ở Mỹ, chiến tranh giành độc lập.

Chế độ nô lệ là một nội dung quan trọng của lịch sử nước Mỹ từ khởi đầu lập quốc đến giai đoạn nội chiến Nam – Bắc ( 1861 – 1865 ). Tuy nhiên , về mặt lịch sử , có thể xem xét sự tồn tại của chế độ này qua hai giai đoạn căn bản : **giai đoạn thứ nhất** bắt đầu từ thời lập quốc – khoảng đầu thế kỷ XVII - đến cuộc Cách mạng Mỹ ( 1775- 1783 ) ; **giai đoạn thứ hai** , từ sau Cách mạng Mỹ đến cuộc nội chiến Nam – Bắc ( 1861 – 1865 ). Bài viết này tập trung khảo cứu chế độ nô lệ ở Mỹ trong giai đoạn đầu, nhằm :1. tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của chế độ nô lệ ở đây gắn liền với lịch sử lập quốc của người Mỹ ; 2. thân phận nô lệ và cuộc đấu tranh của họ chống

lại chế độ nô lệ ở thuộc địa ; 3. vấn đề nô lệ trong Cách mạng Mỹ .

### 1. SỰ HÌNH THÀNH CHẾ ĐỘ NÔ LỆ Ở MỸ

Chế độ nô lệ ở Mỹ tồn tại như một hình thức lao động lệ thuộc được coi là hợp pháp , xuất hiện trước cả khi nước Mỹ ra đời và kéo dài đến tận năm 1865 – thời điểm thông qua tu chính thứ Mười ba của Hiến pháp Mỹ nhằm thủ tiêu thể chế man rợ này .

Khi tiến hành thám hiểm vùng Bắc Mỹ , những nhà thám hiểm châu Âu đã sử dụng nô lệ đồng hành để hầu hạ họ.Vào năm 1526, Lucas Vasquez de Ayllon – nhà thám hiểm

người Tây Ban nha đã cùng thủy thủ đoàn và nhóm nô lệ đi cùng, đặt chân lên vùng Bắc Carolina. Năm 1539, một người Tây Ban nha khác tên là Francisco Vasquez de Caronado cùng các thành viên đoàn thám hiểm và nhóm nô lệ người Estevanico đi tìm kiếm “bảy thành phố vàng” thuộc vùng New Mexico ngày nay. Trong cuộc chinh phục lưu vực sông Mississippi của người Pháp vào đầu thế kỷ XVII cũng có khá nhiều nô lệ da đen đi theo và định cư lại vùng đất này. Rõ ràng, người nô lệ da đen có vai trò quan trọng trong việc khám phá thế giới mới của người châu Âu. Tuy nhiên, không có nô lệ da đen nào đồng hành cùng người Anh trong buổi đầu chinh phục Thế giới mới, dù sau đó chính người Anh lại trở thành những tay lái buôn nô lệ da đen sừng sỏ nhất ở thị trường Bắc Mỹ từ khoảng nửa sau thế kỷ XVII.

Ngoài việc nô lệ da đen đồng hành với những ông chủ da trắng trong công cuộc thám hiểm châu Mỹ, thì có lẽ sự khởi đầu căn bản của chế độ nô lệ ở Mỹ được đánh dấu bằng hoạt động của những thương nhân Tây Ban nha từ thập niên 1560s. Bởi vì từ thời điểm này, họ đã bắt đầu chuyên chở đến Florida những nô lệ từ châu Phi phục vụ cho việc khai thác sản vật tại đây[1]. Bấy giờ không chỉ người da trắng, mà ngay cả một số dân Da đỏ cũng sở hữu một số nô lệ. Trong số nô lệ này, người da đen chiếm phần lớn, nhưng thỉnh thoảng cũng có nô lệ người da trắng. Tuy nhiên, ghi chép sớm nhất về nô lệ da đen ở các xứ thuộc địa Bắc Mỹ là sự kiện một tàu cướp biển người Anh mang quốc kỳ Hà Lan – tàu *Sur tử Trắng* – đã bắt 20

nô lệ Angola của một tàu buôn Bồ Đào nha năm 1619 tại vùng vịnh Mexico sau đó bán số nô lệ này cho dân định cư tại Jamestown(thuộc Virginia) [2].

Do chính sách thuộc địa của các đế quốc châu Âu tại Bắc Mỹ khác nhau nên việc hình thành các xứ thuộc địa của họ ở đây cũng khác nhau. Người Tây Ban nha hoặc Pháp chỉ chú trọng khai thác sản vật và buôn bán với dân Da đỏ, trong khi người Anh lại quan tâm xây dựng nhiều loại hình thuộc địa và đưa người đến cư trú tại các thuộc địa đó[3]. Điều này giải thích vì sao trong hệ thống thuộc địa của người Anh tại Bắc Mỹ, sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế (ban đầu chủ yếu khai thác tài nguyên thiên nhiên) đã dẫn tới nhu cầu cấp thiết lao động nô lệ da đen; từ đó hình thành chế độ nô lệ da đen tại đây.

Nhưng trước khi nô lệ da đen được sử dụng phổ biến ở Bắc Mỹ, thì những kẻ thực dân đã lợi dụng sức lao động của những người châu Âu da trắng nghèo khổ (phần lớn là người Ái Nhĩ Lan, Tô Cách Lan, người Anh, và người Đức) theo chế độ “*Ở đợ hợp đồng*” (Indentured servitude). Theo chế độ này, người lao động tự nguyện làm không công cho ông chủ một số năm để trả phí tổn họ được ông chủ đưa từ châu Âu sang Tân thế giới. Khi hết hạn hợp đồng thì họ được chủ cấp cho một ít đất đai để sinh sống. Số lao động loại này ban đầu đã giúp các điền chủ khai phá rừng hoang thành những cánh đồng trồng trọt màu mỡ. Tuy nhiên, công cuộc khai thác thuộc địa đòi hỏi nguồn nhân lực cung cấp ngày một lớn mà chế độ hợp đồng lao động tự nguyện như trên không còn đáp

ứng nổi. Hơn nữa, do điều kiện lao động khắc nghiệt, nhiều lao động “*Ở đợ hợp đồng*” tỏ ra bất bình, chống đối. Một số bỏ trốn đến những vùng đất hoang sinh sống dù hợp đồng chưa hết hạn. Sau này tại nước Anh, sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản đã cải thiện đáng kể các điều kiện kinh tế - xã hội, rất hiếm người lao động chịu di cư sang Bắc Mỹ theo chế độ “*Ở đợ hợp đồng*”. Vì thế các nhà thực dân đã tìm đến những biện pháp lôi kéo hoặc cưỡng bức những tù nhân, trẻ em, phụ nữ Anh và đưa họ sang Bắc Mỹ, bù đắp vào số lao động thiếu hụt ngày càng trầm trọng.

Bên cạnh nguồn nhân công từ chế độ “*Ở đợ hợp đồng*” thì từ đầu thế kỷ XVI, việc buôn bán nô lệ ở Bắc Mỹ cũng dần trở nên nhộn nhịp để bổ sung vào thị trường lao động. Tình trạng độc quyền buôn bán nô lệ ban đầu rơi vào tay người Bồ Đào Nha vốn là nước khởi xướng việc buôn bán nô lệ châu Phi, nhưng sau đó họ phải từ bỏ sự độc quyền của mình trong cuộc cạnh tranh với những thương nhân Hà Lan, Pháp và Anh. Tuy vậy, vào nửa đầu thế kỷ XVII, khi các thương nhân Bồ Đào Nha và Hà Lan còn giữ vị trí thống trị trong việc buôn bán nô lệ thì số lượng nô lệ có mặt ở các thuộc địa Anh còn khá hạn chế. Từ giữa thế kỷ XVIII trở đi, khi hải quân Anh đã vươn lên làm chủ mặt biển thì các thương nhân Anh mới có điều kiện buôn bán hàng triệu nô lệ da đen từ châu Phi đến Bắc Mỹ [4].

Các thương nhân người Anh thiết lập nhiều thương điểm dọc bờ biển châu Phi với một mạng lưới kẻ săn lùng nô lệ bản địa. Những kẻ này có nhiệm vụ thu gom nô lệ từ nội địa và

đưa họ ra bờ biển cho các thương nhân Anh lựa chọn rồi lừa họ xuống tàu. Có khoảng 40 nhóm sắc tộc của ít nhất 25 vương quốc ở châu Phi đã bị đem bán cho vùng thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. Nhiều vương quốc châu Phi dọc bờ biển đã bắt nô lệ đem bán cho thương gia châu Âu để đổi lấy những hàng hoá như vải sợi, rượu, vũ khí. Có nhiều trường hợp bộ lạc này bắt cóc những thành viên của bộ lạc khác để bán thành nô lệ.

Trong số những khu vực buôn bán nô lệ châu Phi với các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ phải kể đến Senegambia (nay là Senegal, Gambia, Guinée, Guine – Bissau), Sierra Leon (thuộc Liberia ngày nay) Winward Cost (Cote d’Ivoire), Gold Cost (nay là Ghana và vùng phụ cận), Bight of Benin (nay là Togo, Benin, Tây Nigeria), Bight of Biafra (Nigeria phía nam sông Benue, Cameroon, Guinea xích đạo), Trung Phi (Gabon, Angola, Congo), Mozambique, Madagascar. Những người nô lệ châu Phi khi ra đi đã mang theo tín ngưỡng và ngôn ngữ của mình; nhưng khi đến Bắc Mỹ, họ dần dần bị tước đoạt hết cả bản sắc văn hoá, rồi sau đó bị đồng hoá theo ngôn ngữ và tôn giáo ở vùng đất mới.

Một chuyến đi đến Bắc Mỹ của nô lệ da đen thường được gọi dưới cái tên “*Trung trình*” (Middle passage). Đây thực sự là một cơn ác mộng đối với họ. Những người nô lệ bị đóng dấu bằng sắt nung và nhốt trong các khoang tàu chật cứng, thiếu dưỡng khí, thực phẩm và mọi điều kiện vệ sinh cần thiết. Thông thường, mỗi chuyến tàu vượt Đại Tây Dương phải cần ít nhất từ 4- 6 tuần; có chuyến, khoảng 1/3 số nô lệ bị chết trên đường đi.

Không thể biết chắc chắn bao nhiêu nô lệ da đen bị đưa từ châu Phi sang châu Mỹ . Trong những năm từ 1783 đến 1793 , thương nhân Liverpool ( London ) đã nhập khẩu vào Bắc Mỹ 303. 737 nô lệ [5]. Tình trạng buôn bán nô lệ ở đây càng được đẩy mạnh vào thế kỷ sau. Ở Virginia vào năm 1671 chỉ có 2 nghìn nô lệ da đen khi so sánh với 6 nghìn người hầu theo đạo Thiên chúa ở đây; nhưng đến giữa thế kỷ XVIII, trên khắp các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã có khoảng 300 nghìn nô lệ da đen .

Khi tình trạng buôn bán nô lệ ( *Chattel slavery* ) ở Bắc Mỹ đã trở nên phổ biến , cũng là lúc chế độ “*Ở đợ hợp đồng*” chịu lùi vào quá khứ. Lao động nô lệ da đen đã căn bản thay thế lao động da trắng hầu hạ theo hợp đồng. Tất nhiên quá trình chuyển đổi từ chế độ “*Ở đợ hợp đồng*” sang chế độ “*Nô lệ chủng tộc*” ( *Racial slavery* ) diễn ra từ từ. Một điểm khác biệt quan trọng giữa hai chế độ này là : những lao động “*hợp đồng ở đợ*” có cùng màu da và tín ngưỡng (Thiên chúa giáo) với điền chủ , nên họ không thể trở thành nô lệ , mặc dù địa vị xã hội của họ rất thấp; ngược lại , những lao động da đen châu Phi bị bắt làm nô lệ vốn khác chủng tộc và tín ngưỡng với dân da trắng , thì hiển nhiên bị coi là nô lệ.

Ban đầu , chế độ nô lệ chủng tộc mặc nhiên tồn tại trong xã hội thuộc địa mà không cần công nhận pháp lý. Chỉ đến năm 1654, toà án hạt Northampton (Massachusetts) mới phán quyết một người hầu da đen tên là John Cazor là nô lệ , tức là một “tài sản” và “bị sở hữu” bởi chủ nô. John Cazor được xem là nô lệ đầu tiên ở Mỹ được luật pháp thừa nhận .

Chế độ nô lệ chủng tộc được thiết lập trong các bang thuộc địa ở từng thời điểm khác nhau , với nhiều sắc thái khác nhau . Có thể xem xét chế độ này theo ba vùng địa lý là: các thuộc địa miền Bắc ( vùng Nước Anh mới ) , thuộc địa miền Trung và thuộc địa miền Nam .

## 2. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ NÔ LỆ Ở CÁC THUỘC ĐỊA

### 2.1.Thuộc địa miền Nam

Vào đầu thế kỷ XVII, chế độ nô lệ của các bang thuộc địa miền Nam phát triển khá chậm chạp. Sau khi Anh chiến thắng Pháp năm 1713, một hiệp định thương mại đã ký kết giữa hai nước tạo điều kiện cho thương nhân Anh khuyến khích việc buôn bán nô lệ, thì chế độ nô lệ ở các thuộc địa miền Nam mới bước vào giai đoạn phát triển mạnh. Chế độ nô lệ miền Nam đầu tiên là một thể chế có tính chất kinh tế, đưa ra để giải quyết những vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực trong các đồn điền trồng lúa , thuốc lá , chàm...

- **Virginia** . Vào năm 1619 , hai mươi nô lệ đầu tiên đã tới Jamestone . Địa vị của những người nô lệ da đen này bấy giờ giống như địa vị của những người hầu da trắng , nghĩa là sau khi hết hạn phục vụ thì họ được cấp một phần đất đai canh tác. Cho đến năm 1651 thì hầu hết số nô lệ trên đã mãn hạn và trở thành người tự do. Như vậy , sau một số năm thì chủ đất lại phải lo thay thế những người hầu hạ mới . Để giải quyết vấn đề này , chủ đất đã nghĩ đến việc nô lệ hoá những người da đen – một nguồn nhân lực dồi dào do những hoạt động buôn bán nô lệ mang lại .

Khoảng từ thập niên 1640 , hàng loạt nô lệ da đen được đưa vào Virginia và những người này không còn được làm hợp đồng giao kèo thời hạn với chủ nô , nên họ cũng không thể trông đợi vào việc được trả tự do sau một thời hạn phục vụ .

Từ năm 1661, thuộc địa này bắt đầu đưa ra những điều luật thừa nhận tình trạng nô lệ vĩnh viễn của những người da đen. Đến năm 1705 , Viện dân biểu Virginia đã ra một đạo luật về nô lệ , theo đó , nô lệ được định nghĩa “ là những người được đưa vào lãnh thổ để hầu hạ , phục vụ , không phải người Cơ đốc giáo” . Đạo luật cũng xác định rằng nô lệ là một thứ tài sản , rằng “ nếu bất kỳ nô lệ nào chống lại chủ nô thì sẽ bị chủ nô sẽ trừng phạt , nếu lỡ giết chết nô lệ trong lúc trừng phạt thì chủ nô được miễn sự trừng phạt của pháp luật”[6].

Sự thừa nhận về mặt pháp lý chế độ nô lệ đã khuyến khích hoạt động nhập khẩu nô lệ vào Virginia . Nếu năm 1625 , ở đây chỉ có 25 nô lệ da đen , thì đến năm 1671 số nô lệ da đen là 2000 người , năm 1708 – 12.000 người bằng 2/3 số dân da trắng .

- **Maryland.** Chưa biết chắc chắn thời điểm những nô lệ da đen đặt chân đến thuộc địa này , nhưng từ vài thập niên đầu thế kỷ XVII , khi người da đen được đưa tới đây thì họ lập tức bị biến thành nô lệ .

Từ năm 1644 , thuộc địa này đã hợp pháp hoá chế độ nô lệ thông qua việc ban hành một loạt sắc lệnh. Nhờ thế mà số lượng nô lệ da đen ở Maryland phát triển dần lên. Vào năm 1700, thuộc địa này chỉ có khoảng 300 nô lệ ; năm 1750 – có 40 nghìn ; năm 1790 – 100 nghìn nô

lệ. Ban đầu số lượng nô lệ còn ít , quan hệ nô lệ chưa phức tạp, pháp luật của bang quy định rằng tất cả con cái nô lệ trong thuộc địa từ lúc sinh ra đã trở thành nô lệ . Sau này số lượng nô lệ tăng nhanh , nhiều vấn đề xã hội được đặt ra ; vì thế , vào năm 1681 , luật tục sửa lại là con của các nữ hầu da trắng với người da đen thì được tự do; đạo luật năm 1671 quy định việc nô lệ da đen cải theo Cơ Đốc giáo không làm thay đổi địa vị của họ .

Cũng do tình trạng tăng nhanh số dân da đen , nên từ năm 1659 , chính quyền thuộc địa đã ban hành nhiều đạo luật khắt khe hơn để kiểm soát nô lệ . Xuất hiện các điều luật trừng phạt nô lệ và người da đen tự do vì các tội trộm cắp , giết người , xác láo , liên kết với người da trắng chống chính quyền v.v.; hình phạt từ xử tử, đóng dấu đến đánh roi.

- **Bắc và Nam Carolina.** Đây là vùng đất của những điền chủ giàu có , canh tác chủ yếu lúa và chà. Cho đến giữa thế kỷ XVII , các điền chủ vẫn sử dụng lao động chủ yếu từ chế độ “ *Hợp đồng ở đợ*”. Nửa sau thế kỷ XVII, do kinh tế Anh quốc phát triển , số người Anh sang đây định cư giảm mạnh , các điền chủ vùng này đã chuyển sang sử dụng nguồn lao động nô lệ để thay thế .

Năm 1670, chính quyền Carolina đã chính thức hợp pháp hoá chế độ nô lệ thông qua “*Hiến pháp cơ bản*”, khẳng định sự tồn tại xác đáng của nó. Thực ra , việc hợp pháp hoá chế độ nô lệ không đơn thuần là giải pháp cho sự thiếu hụt lao động , mà còn là một vấn đề kinh tế căn bản của thuộc địa – hoạt động buôn bán nô lệ. Những người đứng đầu thuộc địa thời đó

đều là thành viên của công ty Hoàng gia Châu Phi , nên họ rất quan tâm đến nguồn lợi nhuận to lớn của hoạt động này. Họ tin rằng , chế độ nô lệ đồn điền sẽ là cơ sở cho một nền kinh tế phát đạt của thuộc địa. Vì thế , việc nhập khẩu nô lệ vào Carolina bắt đầu được khuyến khích. Chính quyền cho phép những người đến định cư được mang nô lệ vào, theo mức: năm đầu tiên , cứ 20 mẫu Anh được kèm một nô lệ nam và 10 mẫu Anh – một nô lệ nữ ; trong vòng 5 năm đầu , có thể sử dụng cho mỗi 5-10 mẫu Anh - một nô lệ . Việc buôn bán nô lệ trong khoảng 30 năm sau đó (1708) đã khiến số lượng nô lệ ở Carolina bằng số dân da trắng (4.100/4.080). Đến năm 1765, tỉ lệ nô lệ da đen với dân da trắng ở đây là 90nghìn/40nghìn[7].

Chính sự gia tăng mạnh mẽ số lượng nô lệ đã làm chính quyền thuộc địa lo sợ . Vì vậy , từ năm 1686 , cơ quan lập pháp thuộc địa bắt đầu ban hành một số đạo luật để đảm bảo sự thống trị của tầng lớp chủ nô da trắng . Năm 1696 thuộc địa Nam Carolina đã hoàn chỉnh bộ luật đầu tiên về chế độ nô lệ , trên cơ sở mô phỏng bộ luật của Barbados dành cho nô lệ từ năm 1661 [8]. Năm 1722, luật pháp đối với nô lệ tiếp tục được củng cố, cho phép các cơ quan pháp lý có quyền thường xuyên lục soát chỗ ở của nô lệ . Chủ nô , tuần tra viên có quyền xử tử , đánh đập nô lệ đến chết nếu họ phạm trọng tội giết người, ăn cướp, đốt nhà , bỏ trốn...

Mặc dù từ năm 1792 vùng Bắc và Nam Carolina đã tách riêng , nhưng cả hai vùng đều dùng chung một bộ luật nô lệ. Năm 1741, thuộc địa Bắc Carolina có thêm “*Đạo luật liên quan đến người hầu và nô lệ*”, quy định nô lệ không

được phép sở hữu tài sản , mang vũ khí hay ra khỏi đồn điền mà không có giấy phép .

- **Georgia.** Thuộc địa này được biết đến là thuộc địa duy nhất ngay từ đầu đã cấm chế độ nô lệ . Cư dân ở đây hầu hết là những người Anh nghèo khổ , tù tội hay bỏ trốn đến sinh cơ lập nghiệp . Bấy giờ những người được uỷ thác quản lý thuộc địa này đang đeo đuổi mô hình phát triển kiểu giáo xứ Đức – Ebenezer[9] , nên không muốn đưa nó vào chế độ nô lệ . Năm 1735 , Hội đồng quản thác thuộc địa đã thông qua một đạo luật cấm chế độ nô lệ. Tuy nhiên , các nhà thực dân da trắng ở đây dần dần nhận ra hiệu quả kinh tế của việc sử dụng lao động nô lệ ở những thuộc địa lân cận ; từ năm 1738 , họ bắt đầu xin phép chính quyền thuộc địa cho nhập khẩu lao động nô lệ .

Sau nhiều lần bị từ chối , đến năm 1741, các thực dân da trắng ở đây đã được chính quyền cho phép thuê nô lệ từ các chủ nô Nam Carolina . Vào năm 1750 , thuộc địa này đã chính thức cho phép chế độ nô lệ tồn tại trong lãnh thổ . Từ đó , một loạt các gia đình chủ nô từ Nam Carolina đã chuyển đến thuộc địa này . Số lượng nô lệ vào năm 1752 đã có hơn một nghìn người . Đến trước Chiến tranh giành độc lập , số lượng nô lệ da đen ở đây lên tới 15 nghìn so với 18 nghìn dân da trắng .

Bộ luật nô lệ của Georgia được ban hành vào năm 1755 trên cơ sở bắt chước luật lệ của Nam Carolina , nhưng có phần giảm nhẹ hơn . Đạo luật quy định rằng : nô lệ không được tụ tập , đi cùng nhau quá 7 người và phải có người da trắng đi kèm , không được sở hữu ca nô , xe ngựa , gia súc ; cấm chủ nô dạy đọc viết cho nô

lệ , không được bắt nô lệ làm việc quá 16 tiếng một ngày.. .

## 2.2. Thuộc địa miền Trung

- **New York.** Là thuộc địa quan trọng nhất của miền Trung , New York vốn là vùng đất do người Hà Lan khai phá từ đầu thế kỷ XVII. Khoảng 20 năm sau khi tới đây định cư , người Hà Lan bắt đầu đưa nô lệ đến New Amsterdam ( tức New York ) để mở mang thuộc địa . Dấu hiệu rõ ràng nhất là năm 1628 , trong lá thư của một công sứ Hà Lan đã nói đến sự hiện diện của những nô lệ người Angola ở New York [10].

Giai đoạn trước năm 1664, khi thuộc địa này vẫn nằm trong quyền quản lý của người Hà Lan thì việc nhập khẩu nô lệ còn ở mức thấp. Vì người Hà Lan hồi bấy giờ đang tập trung phát triển kinh tế trong nước, chưa thực sự quan tâm đến chế độ nô lệ trên vùng đất mới. Từ năm 1664, nước Anh giành được thuộc địa này từ tay người Hà Lan và đặt tên mới cho nó là New York, thì chế độ nô lệ ở đây mới có điều kiện phát triển .

Phần lớn cư dân sống tại New York trong những thập niên từ 1640s – 1680s là người Anh di cư từ London , Lincolnshire , Nottinghamshire sang. Trong thời gian này , những đạo luật cấp đất cho người định cư đã ra đời cùng với việc khuyến khích nhập khẩu nô lệ vào thuộc địa. Đạo luật năm 1665 đã hợp pháp hoá chế độ nô lệ tại New York. Vào năm 1700 , số lượng nô lệ ở đây chỉ khoảng một nghìn người , nhưng đến năm 1771 thì con số này đã tăng lên gấp gần 20 lần .

Năm 1702 , cơ quan lập pháp thuộc địa ban hành một đạo luật cấm người dân buôn bán với nô lệ ; nô lệ không được tụ tập quá ba người. Các hình phạt nô lệ cũng khắt khe như những thuộc địa khác. Đạo luật năm 1706 quy định rằng chuyện rửa tội cho nô lệ không liên quan gì đến việc họ được tuyên bố tự do. Đạo luật năm 1710 “cấm nô lệ da đen xuất hiện trên đường sau nửa đêm mà không có đèn đuốc”. Do số lượng nô lệ chiếm tỉ lệ ngày càng lớn trong cư dân , sau này chính quyền Anh và thống đốc thuộc địa đã ban hành nhiều đạo luật cấm buôn bán nô lệ , khuyến khích sử dụng người hầu hợp đồng từ châu Âu , nhưng việc buôn bán nô lệ vẫn diễn ra mạnh mẽ do lợi nhuận béo bở mà ngành này mang lại .

- **New Jersey.** Cư dân thuộc địa này ban đầu chủ yếu là người Hà Lan và Thụy Điển . Họ là những người không quan tâm đến chế độ nô lệ. Chỉ từ khi thực dân Anh kéo đến vùng này thì chế độ nô lệ ở đây mới hình thành . Từ năm 1664 , người Anh chính thức cai trị New Jersey và họ cũng thừa nhận luôn chế độ nô lệ ở đây. Thống đốc người Anh đầu tiên ở New Jersey đã cho phép dân đến định cư mang theo nô lệ , mức quy định là 75 mẫu Anh một nô lệ. Nhưng phải đến năm 1702 , khi hai miền Đông và Tây New Jersey thống nhất thì việc nhập khẩu nô lệ vào đây mới trở thành phổ biến. Từ đó, các đạo luật về nô lệ cũng bắt đầu được ban hành.

Số lượng nô lệ được tăng khá nhanh trong vòng gần một thế kỷ. Đến năm 1790 , số lượng nô lệ ở New Jersey đã lên tới hơn 14 nghìn người. Người ta dùng nô lệ trong nhiều công

việc nặng nhọc như trồng trọt , thu hoạch mùa màng , xẻ gỗ , khai thác mỏ v.v...

- **Pennsylvania.** Khoảng đầu thế kỷ XVII, người Hà Lan đã đến định cư tại lưu vực sông miền Nam ( South river ). Khi thuộc địa Pennsylvania hình thành vào năm 1682 thì thành phố Philadelphia trở thành hải cảng chính buôn bán nô lệ trong vùng .

Số lượng nô lệ ở đây thực sự tăng nhanh từ năm 1684 , khi chiếc tàu Isabella chở 150 nô lệ da đen cập cảng Philadelphia . Theo lưu trữ của Hội đồng thuộc địa , đến năm 1705 , nghĩa là mười ba năm đầu tiên sau khi thuộc địa được thiết lập , có 7% số hộ người da trắng sở hữu nô lệ [11]. Từ năm 1700, nhiều đạo luật liên quan đến nô lệ được ban hành . Nô lệ và người da đen tự do không còn được xét xử chung với người hầu hợp đồng da trắng như trước đây nữa.

Ở Pennsylvania có phong trào phản đối chế độ nô lệ của cư dân Đức theo giáo phái Quaker. Họ là những người đầu tiên đưa kiến nghị lên Hội đồng thuộc địa đòi xoá bỏ chế độ nô lệ , tuy rằng trong số tín đồ Quaker vẫn có một số chủ nô.

- **Delaware.** Đây là thuộc địa có chế độ nô lệ phát triển khá yếu ớt. Từ đầu thế kỷ XVII, nô lệ đã có mặt bên hữu ngạn sông Delaware. Vào năm 1662 Công ty Đông ấn Hà Lan đã đem 50 nô lệ đến vùng đất thấp của sông Delaware làm việc. Về sau, Công ty Hoàng gia châu Phi góp phần mang thêm một số lượng nô lệ đáng kể vào thuộc địa này .

Việc nhập khẩu nô lệ vào thuộc địa đã vấp phải sự phản đối của số cư dân định cư giáo phái Quaker đến từ Đức. Nhiều thợ thủ công ,

chủ tiệm , tiểu nông da trắng cũng thấy không cần thiết sử dụng lao động nô lệ. Tuy nhiên Công ty Hoàng gia châu Phi vẫn muốn duy trì việc buôn bán nô lệ ở thuộc địa , nên hình thành cuộc đấu tranh giữa Công ty Hoàng gia châu Phi với Quốc hội Anh và cư dân Quaker. Để hạn chế việc nhập khẩu nô lệ vào Delaware , Quốc hội Anh ra sắc luật đánh thuế cả người mua và người bán nô lệ là 20 shilling/nô lệ , thuế này , sau tăng gấp đôi vào năm 1705. Đến năm 1750, việc buôn bán nô lệ hầu như ngưng trệ và năm 1780, thì cấm hẳn. Bấy giờ ở Delaware số lượng nô lệ có khoảng 6 nghìn người[12].

### 2.3. Thuộc địa miền Bắc (vùng Nước Anh mới)

Ở các thuộc địa miền Bắc , chế độ nô lệ phát triển khó khăn hơn các thuộc địa miền Trung , nhất là khi so sánh với các thuộc địa miền Nam.

Vào năm 1638, chiếc tàu Desire của thuyền trưởng William Pierce từ Providence Island đã chuyển một số nô lệ da đen đến Boston , khởi đầu sự hiện diện của nô lệ tại Massachusetts. Những năm sau , nô lệ dần dần toả ra các thuộc địa khác ở miền Bắc.

Cư dân ở các thuộc địa vùng Nước Anh Mới chủ yếu là những tín đồ Tin Lành hoặc Cơ Đốc , chịu ảnh hưởng của kinh thánh và niềm tự hào về tự do, nên họ khó chấp nhận chế độ nô lệ. Nhưng họ vẫn sử dụng nô lệ da đỏ với lý do để trừng phạt tội ác của những người này . Nô lệ da đỏ là những tù binh trong chiến tranh Pequot năm 1637 giữa thực dân Anh với tộc người Pequot ở phía nam Connecticut. Cho



nên, người da đen buổi đầu vẫn được đối xử khá tốt và ít bị ngược đãi.

Nhưng từ giữa thế kỷ XVII, số người di cư đến Nước Anh Mới ngày càng nhiều và họ cần nô lệ để xây dựng các khu định cư. Tình hình trên khiến cho hầu hết các thuộc địa vùng này phải tìm đến việc thiết lập một chế độ nô lệ hợp pháp.

Năm 1641, Massachussetts trở thành thuộc địa đầu tiên của thực dân Anh ở Bắc Mỹ hợp pháp hoá chế độ nô lệ. Năm 1660 đến lượt Connecticut . Từ đó một loạt các đạo luật đối với nô lệ được ban hành . Đạo luật năm 1657 của Massachussetts cấm người da đen phục vụ quân đội . Đạo luật năm 1670 quy định con cái nô lệ được phép bán thành nô lệ dù chưa đến tuổi trưởng thành . Đạo luật năm 1677 cấm nô lệ đi ra ngoài đồn điền . Đạo luật năm 1690 cấm người da trắng buôn bán trao đổi với nô lệ da đen , nô lệ da đen không được tụ tập ngoài đường vào ban đêm v.v...Nhiều thuộc địa khác cũng ban hành những đạo luật tương tự .

Số lượng nô lệ ở các thuộc địa vùng Nước Anh mới không nhiều so với số dân da trắng . Năm 1700 chỉ có khoảng 1 nghìn nô lệ so với dân số 90 nghìn; năm 1764 – có 5.235 nô lệ/343.845 người da trắng[13]. Hơn nữa, nô lệ vùng này chủ yếu lao động trong các thành thị , làm các nghề như xây dựng , thủ công nghiệp , người hầu , nghệ nhân; đối lập với tình trạng nô lệ miền Nam chủ yếu làm việc ở đồn điền trồng bông, chàm , thuốc lá ...

Điểm nổi bật của chế độ nô lệ miền Bắc là hoạt động buôn bán nô lệ ở đây. Các thương nhân vùng Nước Anh Mới đã phải cạnh tranh

với thương nhân chính quốc qua tuyến buôn bán nô lệ xuyên Đại Tây dương. Sau năm 1640, việc buôn bán nô lệ giữa vùng Nước Anh Mới với các đảo thuộc Pháp quốc phát triển mạnh , hơn nữa , còn vươn đến tận châu Phi. Họ mang rượu rum đến châu Phi để đổi lấy ngà voi , hổ sần và trên hết là nô lệ da đen về Nước Anh Mới.

Để có rượu rum mang sang châu Phi đổi lấy nô lệ , thương nhân các thuộc địa miền Bắc phải mở rộng giao thương sang các đảo thuộc Pháp trong vùng biển Carribea nơi trồng nhiều mía đường . Tam giác buôn bán mía đường – sản xuất rượu rum – buôn bán nô lệ châu Phi - trở thành nền tảng phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở các thuộc địa miền Bắc.

Nếu so sánh với các thuộc địa ở miền Nam và miền Trung thì số lượng nô lệ ở miền Bắc ít hơn khá nhiều. Có lẽ những người Yankee miền Bắc không muốn lạm dụng chế độ nô lệ trong khuynh hướng phát triển kinh tế của mình [14].

### 3. THÂN PHẬN NÔ LỆ VÀ CUỘC ĐẤU TRANH CỦA HỌ TRONG CÁC THUỘC ĐỊA

Theo định nghĩa của luật pháp thuộc địa , nô lệ là một loại tài sản đặc biệt , không phải là gia súc , cũng không phải là người mà chủ nô có quyền sở hữu. Các đạo luật của thuộc địa được ban hành là nhằm hợp pháp hoá những quyền “sinh sát” của chủ nô đối với nô lệ, mặc dù những quyền này được diễn giải theo hình thức khác nhau ở từng thuộc địa.

Đạo luật nô lệ của quận Columbia định nghĩa nô lệ “là hạng người bị luật pháp tước bỏ quyền sống tự do và trở thành tài sản của người khác”. Trong quan niệm của thực dân thì bản chất nô lệ ở Bắc Mỹ và thời cổ đại ở Babylon là như nhau [15]. Vì thế các đạo luật của thuộc địa ở Bắc Mỹ (Virginia, Carolinas, Massachussets...) đều giống nhau ở chỗ: bắt nô lệ phải phục tùng, tuân lệnh chủ nô, tước bỏ mọi quyền tối thiểu của nô lệ, đàn áp họ một cách man rợ. Nô lệ không được có mặt tại các vụ kiện, kể cả việc làm nhân chứng chống lại người da trắng trước tòa, trừ khi họ được dùng để chống lại nô lệ khác. Họ bị cấm hoạt động buôn bán và không được ra ngoài đồn điền trừ phi có giấy phép của chủ. Nô lệ không được dạy đọc, viết, không được phép sở hữu tài sản (mặc dù một vài trường hợp họ vẫn được sở hữu những vật dụng nhất định), không được mang vũ khí v.v...

Nô lệ là hạng người cuối cùng trong hệ thống đẳng cấp xã hội thuộc địa (quý tộc thượng lưu, giới trung lưu, thợ thuyền, đầy tớ và nô lệ). Họ bị khinh miệt như hạng người hạ đẳng hay súc vật. Nô lệ được sử dụng trong hầu hết mọi ngành nghề ở thuộc địa như xây dựng, thủ công, đóng tàu thuyền, khai thác mỏ, công việc hầu hạ... Trong các gia đình chủ nô, nô lệ thường được phân chia vị trí rõ ràng như quản gia, hầu gái, nấu ăn, bảo mẫu, phục vụ, giặt giũ. Thường thì nô lệ phải sống dưới tầng hầm và dùng những thức ăn còn lại của gia đình chủ nhân. Những người hầu gái dễ bị các ông chủ da trắng lạm dụng và trở thành nạn nhân của những vụ đánh đập hành hạ dã man

do vợ chủ nô tiến hành. Nhìn chung nô lệ làm công việc hầu hạ gia đình chủ nô được đối xử tốt hơn hạng nô lệ đồn điền hoặc khai mỏ.

Các nô lệ đồn điền hầu hết phải làm việc ngoài đồng từ sáng đến tối. Ở Nam Carolina, nô lệ phải làm việc 15 tiếng/ngày vào mùa đông và 16 tiếng/ngày vào mùa hè [16]. Nô lệ trẻ em được làm những việc nhẹ, còn phần lớn số họ phải làm việc theo nhóm có đốc công giám sát. Để công việc được tiến hành đúng như ý muốn của chủ nô thì những đốc công này thường dùng roi da để trừng phạt nô lệ. Ngay cả đồn điền chủ hoặc tiểu nông cũng thường đánh nô lệ bằng roi da – điều mà luật pháp cho phép họ làm.

Nô lệ đồn điền thường sinh hoạt ăn ở trong những túp lều gỗ tồi tàn dựng trên cánh đồng với tấm sàn gỗ dơ bẩn và đôi khi không có của sỏ. Thực phẩm họ nhận được từ gia chủ rất đơn giản: bột mì, thịt heo muối, mật đường... chỉ những thứ tối cần thiết để sinh tồn. Mỗi năm, người nô lệ chỉ được phát hai bộ quần áo, còn giày chỉ được phát vào mùa đông để chống rét, qua mùa đông chủ sẽ thu lại. Trường hợp nô lệ đau ốm nặng thì đồn điền chủ có thể gọi bác sỹ tới khám bệnh; rất hiếm đồn điền có trạm xá hay điểm y tế

Cuộc sống khổ sai và áp bức bóc lột tàn bạo đã làm nảy sinh các hình thức đấu tranh của nô lệ chống chủ nô. Hình thức chống đối phổ biến nhất là phá hoại công cụ, từ chối lao động. Họ làm hư hại cày, cuốc, xe bò, xe ngựa, giỗ thu hoạch để lấy cơ nghỉ ngơi. Đôi khi nô lệ giả vờ bệnh tật để từ chối công việc của chủ. Khi bị cưỡng ép đường cùng, họ có

thê tự sát để kết thúc cuộc sống nô lệ hoặc tự gây thương tật để biến mình thành kẻ vô dụng. Người nô lệ làm què quặt bản thân hay tự sát theo nhiều cách như cắt các ngón chân, ngón tay, bắn vào chân, tự treo cổ, nhịn ăn đến chết. Nhiều phụ nữ nô lệ đã tự giết con mình để chúng không chịu thân phận nô lệ như cha mẹ.

Một cách chống đối khác mà người nô lệ thường sử dụng là bỏ trốn khỏi trang trại của điền chủ. Tuy nhiên khả năng trốn thoát là rất khó vì họ không am hiểu địa hình, đường xá và những biện pháp truy lùng của chủ nô. Mặc dù vậy, nô lệ vẫn bỏ trốn riêng lẻ hoặc có tổ chức. Họ trốn vào rừng rú, đầm lầy hay đi đến những ngọn núi cao nguy hiểm. Nhiều khi họ còn biết làm giấy thông hành giả để trốn đến biên giới. Nhưng sau mỗi lần trốn chạy bất thành là sự đánh đập, trừng phạt nghiêm khắc từ điền chủ giáng xuống đầu họ.

Những người nô lệ can đảm đã vùng dậy chống áp bức bằng cách giết chết chủ nô, đốt nhà ở, dinh thự, kho lương của kẻ thống trị mình. Cho đến nửa sau thế kỷ XVII thì mâu thuẫn chủ nô – nô lệ ở các thuộc địa đã trở nên sâu sắc. Lê tề nhiều trường hợp ở Georgia, New York, Kentucky, nô lệ nổi giận giết chết chủ nô đang hành hạ mình, để sau đó nhận hình thức trừng phạt của tòa án là treo cổ hoặc thiêu sống [17]. Năm 1678, tại vùng Bắc Neck thuộc Virginia đã nổ ra một cuộc nổi dậy của nô lệ nhằm giết tất cả những chủ nô da trắng nhân một đám tang. Năm 1740, gần 200 nô lệ ở Charleston (thuộc Carolina) đã âm mưu nổi loạn. Vào ngày định sẵn, họ đã tấn công những người da trắng, nhưng bị thất bại; 50

nô lệ bị bắt và bị treo cổ. Ở New York, phong trào đấu tranh của nô lệ cũng diễn ra dai dẳng với các hình thức đốt phá và bạo loạn. Tại đây năm 1658, một số nô lệ da đen và người da đỏ tiến hành đốt phá vài ngôi nhà của chủ nhân rồi bỏ trốn. Năm 1712, một nhóm gồm 27 nô lệ được trang bị dao, súng, rìu tập hợp trong một vườn cây gần trung tâm Mahattan, đốt nhà ngoài của ông chủ. Khi người da trắng đến dập lửa thì nhóm nô lệ nổ súng bắn chết 9 người và làm bị thương năm, sáu người khác; sau đó họ trốn vào rừng. Chính những cuộc bạo loạn như thế đã khiến cho cơ quan lập pháp thuộc địa ban hành những đạo luật ngày càng nghiêm khắc, hòng dập tắt cuộc đấu tranh của những người nô lệ.

Bên cạnh những hình thức đấu tranh bạo động như trên của nô lệ, cũng có những hình thức đấu tranh ôn hòa bằng con đường tôn giáo. Một bộ phận nô lệ đã tự nguyện thay đổi tín ngưỡng, trở thành tín đồ Tin Lành nhằm hy vọng cứu rỗi linh hồn. Nhờ vào tôn giáo mới, họ đã trở nên bình tĩnh hơn trước những bất công của xã hội thuộc địa đang đổ lên đầu họ. Những người nô lệ da đen này tìm thấy trong tôn giáo một phương tiện để sống qua ngày mà vẫn giữ được nhân phẩm. Dần dần họ nhận ra Nhà thờ như một vũ đài để phát triển định hướng độc lập, tách khỏi sự kiểm soát của người da trắng.

#### 4. VẤN ĐỀ NÔ LỆ TRONG CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP ( 1775 - 1783)

Vào thời điểm bắt đầu cuộc chiến giành độc lập của 13 bang thuộc địa ở Bắc Mỹ, số

lượng nô lệ da đen ở đây chiếm khoảng 1/5 dân số - tương đương 500 nghìn người. Cuộc chiến tranh giành độc lập của các bang thuộc địa mang bản chất một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời là giải phóng sự nô dịch con người. Vì thế, cuộc cách mạng này không thể bỏ qua vấn đề chế độ nô lệ ở thuộc địa. Hơn nữa, từ nửa sau thế kỷ XVIII, vấn đề nô lệ thuộc địa đã vượt xa khỏi phạm trù kinh tế mà trở thành một phạm trù chính trị nóng hổi, không chỉ liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thuộc địa mà còn liên quan đến “sức khoẻ” của nền thương mại Anh quốc.

Việc nhập khẩu mạnh mẽ số lượng nô lệ vào các thuộc địa diễn ra từ giữa thế kỷ XVII đã làm chính quyền nhiều bang tỏ ra e ngại, nhất là các bang miền Bắc và miền Trung. Cho nên từ đầu thế kỷ XVIII, nhiều bang đã ra những đạo luật hạn chế hoặc ngăn cấm việc buôn bán nô lệ. Biện pháp này tuy không ngăn chặn triệt để hoạt động buôn bán nô lệ, nhưng góp phần quan trọng nhằm kìm hãm sự gia tăng số lượng nô lệ trong các thuộc địa.

Tại Hội nghị Lục địa lần I (tháng 9/1774), vấn đề nô lệ đã được xem xét khi Hội nghị thông qua “*Hiệp ước cấm đưa nô lệ vào thuộc địa*” từ sau mùng 1 tháng 12 năm 1775. Hiệp ước này đã được các thuộc địa ủng hộ, Georgia là thuộc địa cuối cùng thông qua hiệp ước này vào tháng 7 năm 1775. Tầm quan trọng của hiệp ước này ở chỗ nó đặt dấu mốc mở đường cho sự giải phóng nô lệ về sau.

Đề chuẩn bị đối phó với cuộc chiến với nước Anh có thể nổ ra bất cứ lúc nào, nhiều thuộc địa bắt đầu tổ chức lực lượng vũ trang.

Tháng 11 năm 1775 thống đốc bang Virginia – Dunmore, một kẻ trung thành với vua Anh đã tiến hành tuyển mộ dân binh, tuyên bố sẽ trả tự do cho bất kỳ nô lệ da đen nào bỏ trốn mà gia nhập đạo quân này. Quyết định của Dunmore đã làm rúng động các điền chủ miền Nam, nơi tập trung phần lớn nô lệ da đen. Như vậy, nô lệ da đen ngay từ đầu cuộc chiến đã bị các lực lượng chính trị lôi kéo.

Khuynh hướng đòi độc lập dâng lên mạnh mẽ ở các thuộc địa, một cách tự nhiên, đi liền với vấn đề dân chủ xã hội, mà trước hết là việc giải phóng nô lệ. Nhiều điền chủ trong thời gian này đã trả tự do cho nô lệ của họ. Ngay trong Tuyên ngôn độc lập, chính phủ Mỹ long trọng tuyên bố rằng, “*mọi người (đàn ông) sinh ra đều bình đẳng, Tạo hoá ban cho họ những quyền bất khả nhượng, trong đó có quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc*”. Nhưng rốt cuộc, Hội nghị Lục địa lần II lại không kiên quyết loại trừ chế độ nô lệ vì lo sợ làm ảnh hưởng đến nền thương mại của Anh quốc và xúc phạm vua Anh George III. Bấy giờ, có một nhóm người da đen tự do đứng đầu là Prince Hall liền trình lên Hội nghị đơn thỉnh nguyện bãi bỏ chế độ nô lệ, song không được xem xét [18]. Nhưng không vì thế mà người nô lệ da đen hững hờ với nền độc lập của thuộc địa. Trong cuộc chiến giành độc lập này, khoảng 5 nghìn người da đen đã chiến đấu trong quân đội Lục địa, sát cánh bên cạnh người da trắng.

Dù sao, chiến tranh giành độc lập cũng là dịp để các thuộc địa nhìn nhận lại vấn đề nô lệ da đen. Tại Massachusetts vào năm 1777, bang

này đã thông qua đạo luật ngăn cấm việc lưu giữ người da đen làm nô lệ , nhưng vẫn chưa thực hiện được. Đến năm 1780, hiến pháp mới của Massachusetts đã thừa nhận nguyên tắc “ mọi người sinh ra đều bình đẳng” và chính thức chấm dứt chế độ nô lệ ở lãnh thổ bang. Vào năm 1783 , toà án Massachusetts tuyên bố xoá bỏ chế độ nô lệ . Nhưng phải đến năm 1799 thì các đạo luật trên mới được thực thi triệt để.

Ở New York, trong thời gian chiến tranh, có một số nô lệ đứng về phía quân Anh vì được người Anh hứa sẽ trả tự do sau cuộc chiến kết thúc. Trong năm 1783 có khoảng 3 nghìn người da đen trung thành đã dời thuộc địa cùng với người Anh. Nhiều người trong số họ đã đi về phía bờ biển đông nam Canada hay vùng biển Carribea sinh sống. Năm 1781 cơ quan lập pháp New York đã trả tự do cho những nô lệ tham gia vào cuộc chiến chống thực dân Anh. Từ đó những người da đen ở đây bắt đầu xây dựng một cộng đồng riêng với nhà thờ , trường học , những tổ chức từ thiện hay cơ sở kinh doanh của họ. Vào năm 1799 , Hội đồng lập pháp của bang đã thông qua đạo luật từng bước xoá bỏ chế độ nô lệ ở đây.

Pennsylvania là bang vốn có truyền thống nhiều người phản đối chế độ nô lệ .Vào ngày mùng 1 tháng 3 năm 1780 , Hội đồng lập pháp đã thông qua đạo luật bãi bỏ chế độ nô lệ ; theo đó, *” tất cả mọi người, kể cả người da đen và nô lệ - những ai được sinh ra trong bang – từ sau đạo luật này sẽ không còn bị coi như người hầu suốt đời hay nô lệ”*. Đạo luật cũng quy định con cái của những nô lệ sẽ được trả tự do khi

chúng 28 tuổi. Ba mươi năm sau ( 1810 ), số nô lệ ở đây chỉ còn chiếm khoảng 3% dân số .

Như vậy, Chiến tranh giành độc lập đã đánh dấu sự kết thúc giai đoạn đầu tiên của chế độ nô lệ da đen ở Mỹ. Về mặt pháp lý, ở cuối giai đoạn này , chế độ nô lệ đã bị hầu hết các bang bãi bỏ , nhưng trên thực tế nó vẫn tồn tại trong nhiều hình thức với mức độ đậm nhạt khác nhau theo từng địa phương , nhất là ở các bang miền Trung và miền Nam.

Từ những thập niên đầu thế kỷ XIX , một loạt vùng đất mới được sát nhập vào lãnh thổ Mỹ, như Louisiana (1803 ), Alabama(1817 ), Mississippi(1819 ), Florida(1819), Texas(1825) . Đây là những vùng đất chủ yếu phát triển kinh tế đồn điền . Các vùng này kết hợp với những bang miền Nam trước kia hình thành một “vương quốc bông vải”vốn cần nhiều lao động . Vì thế, họ đã khởi động lại các hoạt động buôn bán nô lệ. Từ đó, một giai đoạn phát triển mới của chế độ nô lệ da đen ở nơi đây lại bắt đầu.

## 5. KẾT LUẬN

Chế độ nô lệ ở Mỹ được hình thành do nhu cầu xây dựng và khai thác thuộc địa của thực dân Anh , bắt đầu từ thế kỷ XVII. Trong giai đoạn đầu tiên , từ khởi nguyên cho đến Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa , sự hình thành chế độ nô lệ ở đây gắn liền với quá trình thay thế dần dần chế độ “ Ở đợ hợp đồng” được thiết lập bởi thực dân với những lao động thuê mướn nghèo khổ từ châu Âu di cư sang.

Sự phát triển của chế độ nô lệ ở Mỹ quan hệ mật thiết với những hoạt động buôn bán nô

lệ da đen của thương nhân châu Âu nhằm cung cấp nguồn lao động rẻ mạt , không phải trả lương cho những hoạt động kinh tế của thuộc địa . Lao động nô lệ đóng vai trò chủ yếu trong quá trình tạo lập , khai thác và phát triển các thuộc địa ở Bắc Mỹ.

Chế độ nô lệ ở Mỹ mặc nhiên tồn tại một thời gian trước khi được hợp pháp hoá, thể hiện một quá trình hình thành tự phát do mục tiêu kinh tế. Với đà tăng lên không ngừng của số lượng nô lệ , các thuộc địa dần dần thông qua những đạo luật thừa nhận chế độ nô lệ , mục đích đảm bảo quyền “sở hữu” họ. Thực chất, đây là quyền thống trị giai cấp của chủ nô đối với nô lệ . Việc công nhận chế độ nô lệ chứng tỏ vấn đề nô lệ không còn nằm trong khuôn khổ kinh tế mà đã vượt sang khuôn khổ chính

trị - xã hội của thuộc địa. Tuy mỗi bang ban hành những đạo luật khác nhau , nhưng điểm chung của luật pháp thuộc địa là tước bỏ mọi quyền con người của nô lệ, thiết lập những hình phạt nghiêm khắc , bắt công đối với họ. Vì thế, thân phận nô lệ ở các thuộc địa Bắc Mỹ bấy giờ không khác gì thân phận nô lệ thời cổ đại .

Từ giữa thế kỷ XVIII, điều kiện hình thành dân tộc Mỹ đã chín muồi , từ đó xuất hiện khuynh hướng đòi độc lập dân tộc. Trong chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa , nhiều nô lệ đã được giải phóng , chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ về mặt pháp lý. Tuy nhiên , bước sang thế kỷ XIX, trong điều kiện lịch sử mới, chế độ nô lệ ở đây lại dần dần hồi phục.

## FORMATION AND DEVELOPMENT OF THE SLAVERY IN THE UNITED STATES ( FROM BEGINNING TO THE WAR FOR INDEPENDENCE )

**Nguyen Ngoc Dung**

Vietnam National University – Ho Chi Minh city

**ABSTRACT:** *Slavery in the U.S was formed by needs of building and exploiting the British colonies. At the first period, from beginning to the War for Independence of the colonies , the formation of slavery in there was related with gradual replace of the " Indentured servitude" established by the colonists for the poor european emigrants.*

*By middle of 17<sup>th</sup> century, the British colonies began to legalize the slavery with "Slave codes" that created a " Racial slavery". So, black slaves formally were considered as property and goods for possession and bargain. Their position was the same as the position of the ancient slaves.*

*Increasing amount of the slaves would strongly affect socio- economic situation of the colonies and caused social conflicts in there. In some first decads of 18<sup>th</sup> century, most colonies pass the laws*

banning slave trade activities. The slavery abolition was just enforced within the time of the War for Independence; however, not to get the thorough results.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. David Brion Davis. *Inhuman Bondage: The Rise and Fall of Slavery in the New World*. Oxford University Press, p.124, (2006).
- [2]. Lisa Rein. *Mystery of Va's First Slaves is Unlocked 400 years Later*. [http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2006/09/02/AR2006090201097\\_pf.html](http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2006/09/02/AR2006090201097_pf.html).
- [3]. Ba loại thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ là : 1.Thuộc địa Nghiệp chủ (*Proprietary colonies*);2. Thuộc địa Đoàn thể hay còn gọi thuộc địa Hiến chương (*Corperate colonies*); 3. Thuộc địa Hoàng gia (*Royal colonies*). Về cơ bản , thể chế chính trị của mỗi thuộc địa gồm 3 bộ phận theo mô hình Anh quốc: 1. *Thống đốc* – do vua Anh hay nghiệp chủ chỉ định , trừ trường hợp các thuộc địa tự trị (Rhode Island, Connecticut) thì do dân cử;2. *Hội đồng thuộc địa* – do thống đốc chỉ định; 3. *Viện dân biểu* – do dân cử. Hai bộ phận sau có vai trò như Lưỡng viện của Anh.
- [4]. [http://www.africanonline.com/slavery\\_in\\_the\\_united\\_states.html](http://www.africanonline.com/slavery_in_the_united_states.html)
- [5]. John David . *The American Negroes Reference Book* . Prentice Hall, Inc Englewood Cliffs, New Jersey, p.1-36, 1967.
- [6]. <http://www.History of slave in Virginia>.
- [7]. John Hope Franklin. *From Slavery to Freedom – A History of Negro Americans*. Alfred A. Knopf,Inc, pp. 70-85, (1967).
- [8]. Luật Barbados được ban hành năm 1661 bởi nghị viện đảo Barbados thuộc vùng biển Caribe ;được coi là đạo luật đầu tiên xác lập cơ sở pháp lý cho chế độ nô lệ của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. Trong khi phán quyết những người nô lệ da đen là một thứ hàng hoá và tài sản , đạo luật cũng có một số điều khoản ngăn cấm hành vi đối xử thô bạo của chủ nô đối với nô lệ . (Xem Richard S. Dunn, *Sugar and Slaves : the Rise of the Planter Class in the English West Indies, 1624 – 1713*. New York , Norton , 1972 ).
- [9]. Ebenezer theo Kinh thánh nghĩa là “Hòn đá phù hộ” (Stone of help), là giáo xứ của những tín đồ Tin lành Đức bị ngược đãi tại châu Âu đã di cư đến Georgia. Đây là một cộng đồng mang tính tôn giáo, văn hoá của người định cư.
- [10].Peter Kolchin. *American Slavery,1619- 1877*.New York , Hill &Wang( 2<sup>nd</sup> ed.2003).

- [11].John Hope Franklin. *From Slavery to Freedom – A History of Negro Americans*. Alfred A. Knopf.Inc, pp. 70-85, 1967.
- [12].John Hope Franklin. *From Slavery to Freedom – A History of Negro Americans*. Alfred A. Knopf.Inc, pp. 89-99, 1967.
- [13].James M. Banner, Ir Sheldon Hacney, Barton J. Berstain. *Understanding the American Experience – Recent Interpretations*. Harcourt Brace J. Inc, pp.78-82.
- [14].James M. Banner, Ir Sheldon Hacney, Barton J. Berstain. *Ibid*.
- [15].Athur Mee, J. A. Hammerton, Athur D. Innes. *Harmsworth History of the World* . Vol 4, Carmelite House , London, p.2834, 1907.
- [16].John P. David . *An American Negro Reference Book*. Prentice Hall, Inc Englewood Cliffs, New Jersey, pp. 28-33.
- [17].John Hope Franklin. *From Slavery to Freedom – A History of Negro Americans*. Alfred A. Knopf.Inc, pp. 70-85, 1967.
- [18].Declaration of Independence 1770-1783 . Revolution PBS. <http://www.pbs.org/wgbh/aia/part2/2narr3.html>. Retrieved 2007-06-15.